

Bản án số: 13/2019/HC-ST

Ngày: 27/8/2019

*V/v khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga

2. Ông Bùi Trung

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 48/2018/TLST-HC ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc khiếu kiện: “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HC ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa hành chính số 163/TB-TA ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HC ngày 10/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HC ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Hồ Văn N, sinh năm 1972; Bà Hồ Thị H, sinh năm 1975;

Trú tại: xã Bình A, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H:

1. Ông Trần Quang L, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 98 Lê Quý Đ, phường Nghĩa L, thành phố Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Cao H - Là Luật sư, Công ty Luật Bảo Ngọc thuộc Đoàn luật sư thành phố HN (có mặt)

Địa chỉ: Số 07, Khúc H, phường An Hải B, quận Sơn T, Thành phố ĐN;

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Trà B

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện Trà B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn Trà X, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 163, Hùng V, thành phố Quảng Ngãi

- Ủy ban nhân dân xã Trà B (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xã Trà B, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi

- Ông Hồ Văn D, sinh năm 1971

- Bà Hồ Thị S, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Trà B, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- Bà Hồ Thị Phượng U, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, thôn G, xã Trà B, huyện Trà B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị Phượng U: Luật sư Thới Mạnh C - Văn phòng Luật sư Công A - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 230, Lê Trung Đ, thành phố Quảng Ngãi.

- Ông Phan S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nguyên quán: Thôn Thanh L, xã Phỏ N, huyện Đức P, tỉnh Quảng Ngãi

Trú tại: Thôn T, xã Trà B, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Cháu Hồ Thị L, sinh ngày 01/01/2003

- Cháu Hồ Thị T, sinh ngày 01/4/2006

- Cháu Hồ Văn Đ, sinh ngày 20/11/2010

Người đại diện hợp pháp của các cháu Hồ Thị L, Hồ Thị T, Hồ Văn Đ: Ông Hồ Văn N và bà Hồ Thị H

- Chị Hồ Thị V, sinh năm 2000

- Chị Hồ Thị H, sinh năm 1996

Người đại diện theo ủy quyền của chị V, chị H: Luật sư Nguyễn Cao H - Công ty Luật Bảo Ng thuộc Đoàn luật sư Thành phố HN

Địa chỉ: Số 07, Khúc H, phường An Hải B, quận Sơn T, Thành phố Đà N

- Bà Vương Nữ Trà G (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đông H, xã Tịnh G, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2018; ngày 12/7/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2018 - Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Cao H trình bày:

Ngày 24/5/2017 UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N tại thôn T, xã Trà B, huyện Trà B (có danh sách kèm theo quyết định).

Ngày 18/10/2017, UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 767/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N.

Ngày 26/10/2017, UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 2281/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND huyện Trà B về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Văn N.

Các quyết định trên là không đúng pháp luật, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn N. Vì: Lý do thu hồi đất của UBND huyện Trà B là không đúng thực tế quản lý sử dụng đất, không tuân thủ quy định pháp luật, trái với chủ trương của Nhà nước về việc giao đất trồng rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Ông Hồ Văn N đã sử dụng thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 96, tờ bản đồ 08, diện tích 79.079m² tại thôn T, Trà B do 03 đời tổ tiên của ông N để lại, là hộ nghèo được Chính phủ phê duyệt và UBND huyện Trà B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến năm 2061.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Căn cứ Điều 66 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Từ Điều 6 đến Điều 30 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính thì hộ ông N, bà H không thuộc trường hợp bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này; không có biên bản vi phạm hành chính để làm căn cứ ban hành quyết định thu hồi đất. UBND huyện Trà B không thông

báo và không công khai quyết định thu hồi đất cho hộ gia đình ông N được biết là vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều 66 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Về trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Trà B là vi phạm khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Về thẩm quyền ký quyết định thu hồi đất: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương, thì thẩm quyền thu hồi đất là do UBND huyện Trà B thu hồi. Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 thì Phó Chủ tịch ký thay mặt UBND huyện Trà B là không đúng về thẩm quyền thu hồi đất. Hộ ông N, bà H là hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc trường hợp được giao đất, giao rừng. Vì vậy quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 là không đúng pháp luật.

Bà Hồ Thị Phương U không quản lý sử dụng vị trí thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N. Hộ ông N đã sử dụng thửa đất số 96 hơn 03 đời tổ tiên để lại, cụ thể trên đất ông N sử dụng có trồng cây Khế, Mít rất lâu năm và 01 nền nhà cũ hiện nay vẫn còn thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Bà U khai là khai hoang và đang quản lý sử dụng là không đúng. Vì bà U không hề có đơn tranh chấp với hộ ông N và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai. Bà U làm đơn yêu cầu xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải là đơn khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại. Trong quá trình giải quyết vụ việc của bà Uyên thì UBND huyện Trà B không triệu tập hộ ông N lên làm việc, mà ban hành báo cáo số 29/BC-TNMT ngày 03/4/2017 có nội dung: “*Ông Hồ Văn N vắng mặt do không sống tại địa phương*” là không thực tế. Đề nghị TAND tỉnh Quảng Ngãi hủy: Một phần Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; hủy toàn bộ Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà Bồng.

Tại văn bản số 2558/UBND ngày 05/12/2018, người bị kiện UBND huyện Trà B trình bày: Năm 2012, thực hiện việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Trà B dự án WB3. UBND xã Trà B lập tờ trình số 26/TTr ngày 06/9/2012; tham mưu của phòng TNMT huyện Trà B cho UBND huyện Trà B, trên cơ sở đó hộ ông N được giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 96, tờ bản đồ 08, diện tích 79.079m².

Năm 2017 bà U có đơn cho rằng UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N là chồng lên diện tích đất của bà đang sử dụng từ năm 2007. Qua xác minh, nhận thấy việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N, ông D tại Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 là chưa đúng hiện trạng sử dụng. Vì 02 thửa đất 95; 96 do bà Hồ Thị Phương U sử dụng trồng keo từ năm 2007 cho đến nay. Căn cứ Điều 64, Điều 106

Luật đất đai năm 2013, UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông N, ông D. Tuy nhiên, Quyết định số 767 chưa đảm bảo. Trên cơ sở báo cáo số 3328/BC-STNMT ngày 14/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện Trà B ban hành các quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 điều chỉnh quyết định 767/QĐ-UBND và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 điều chỉnh quyết định 2619/QĐ-UBND đối với hộ ông Hồ Văn N.

Việc ban hành các Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà B là đúng pháp luật. Vì 02 thửa đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, ông D là của bà Hồ Thị Phụng U quản lý, sử dụng vào mục đích trồng keo ổn định liên tục từ năm 2007 cho đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Tại bản tự khai 24/10/2018, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị S trình bày: Không có ý kiến gì về việc khởi kiện của ông N, đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và đề nghị TAND tỉnh Quảng Ngãi xét xử vắng mặt tại các phiên tòa.

2. Tại văn bản số 603/STNMT-TTr ngày 18/02/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Thực hiện văn bản số 3667/UBND – NNTN ngày 20/6/2017 về việc kiểm tra việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông N, ông D tại thôn T, Trà B, Trà B. Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông N. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã có báo cáo số 3328/BC-STNMT ngày 14/7/2017. Việc ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND và quyết định 2251/QĐ-UBND là của UBND huyện Trà B. Báo cáo số 3328/BC-STNMT ngày 14/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi là cơ sở để UBND huyện Trà B tham khảo, đối chiếu chứ không mang tính chất chỉ đạo, bắt buộc thực hiện. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi không có ý kiến gì.

3. Tại văn bản số 82/UBND ngày 14/12/2018, UBND xã Trà B trình bày:

- Kiểm tra hồ sơ địa chính: Thửa đất 95; 96 là loại đất RSX, 02 thửa đất này liền kề nhau thuộc tờ bản đồ 08 được UBND huyện Trà B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn D vào năm 2012 tại Quyết định 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2012.

- Kiểm tra đo đạc, thực địa ngày 07/3/2017 xác định 02 thửa đất số 95; 96 thì vị trí thửa đất số 95; 96 nằm hoàn toàn trong phần diện tích đất do bà Hồ Thị Phương U đã và đang canh tác sử dụng trồng keo (keo được 03 năm tuổi).

UBND xã tiến hành làm việc trực tiếp với hộ ông N, tuy nhiên tại buổi làm việc ông Hồ Văn N vắng mặt không có ở địa phương, chỉ làm việc với ông D

UBND xã làm việc với bà U: Bà U trình bày sử dụng đất và canh tác trồng keo vào năm 2006. Năm 2012 khai thác keo. Năm 2013 bà tiến hành trồng lại keo (hiện trạng keo đã 03 năm tuổi). Bà sử dụng đất ổn định không ai tranh chấp.

UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 được điều chỉnh tại Quyết định tại 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 là đúng pháp luật. Vì các thửa đất đã giao và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, ông N không đúng vị trí sử dụng đất của ông N, ông D. Thực tế vị trí các thửa đất cấp cho ông N, ông D là do bà U đã canh tác trồng keo từ năm 2007 đến nay.

4. Tại bản khai ngày 15/10/2018 và bản tự khai bổ sung 24/4/2019 Bà Hồ Thị Phương U trình bày:

Bà sinh ra và lớn lên làm ăn sinh sống tại Trà B, Trà B. Năm 2004, bà có mua đất rừng của ông Hồ Văn Ph để trồng keo, có giấy viết tay, có bà H làm chứng. Năm 2006 UBND huyện Trà B triển khai dự án WB3 gia đình bà đã đăng ký dự án này. Gia đình bà được giao một số diện tích đất rừng trong đó có 01 số diện tích đất rừng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn 01 số diện tích đất rừng thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có diện tích bà mua của ông Ph), bà sử dụng đất trồng keo. Năm 2016, Công ty Bình T đo dự án đất Lâm trường. Khi đó bà biết đất của bà mua ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, ông D. Bà có đơn kiến nghị gửi đến UBND xã Trà B, Phòng TNMT huyện Trà B và UBND huyện Trà B.

5. Tại bản tự khai ngày 25/02/2019, ông Phan S trình bày: Năm 2013, ông về chung sống với bà U tại thôn T, Trà B, Trà B. Bà U sử dụng diện tích đất 15 ha để trồng keo, có giới cận rõ ràng, ông không biết ông Hồ Văn N là ai. Năm 2016, ông phát hiện đất mà ông đang sản xuất cùng với bà U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N, Hồ Văn D.

6. Tại đơn trình bày ngày 12/4/2019, bà Vương Nữ Trà G trình bày: Ngày 28/7/2017, hộ ông Hồ Văn N viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh S (chồng của bà) tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 08, GCNQSD đất do UBND huyện Trà B cấp ngày 10/12/2012 cho hộ ông N, bà H. Hiện nay, chồng bà

là ông S đã chết. UBND huyện Trà B ra quyết định thu hồi đất của ông Hồ Văn N là không đúng, bà không đồng ý.

7. Tại đơn ngày 05/8/2019 chị Hồ Thị H trình bày: Thống nhất như nội dung khởi kiện của ông N, bà H về việc hủy 01 phần Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà B.

8. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị Phượng U – Luật sư Thới Mạnh C trình bày: Tại phiên tòa ông Nguyễn Cao H là người đại diện cho người khởi kiện đã thừa nhận bà Hồ Thị Phượng U có sử dụng đất, nhưng không phải là thửa đất số 96 được UBND huyện Trà B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N. Vì vậy, việc bà U có sử dụng thửa đất số 96 hay không là căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của UBND huyện Trà B. Việc ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND huyện Trà B đối với ông Hồ Văn N là đúng pháp luật. Vì bà U sử dụng thửa đất có UBND xã Trà B xác nhận, ông Hồ Văn N không sử dụng thửa đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Riêng người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng Luật tố tụng hành chính.

Việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Trà Bồng đối với ông Hồ Văn N là không đúng quy định của Luật đất đai. Vì UBND huyện Trà B không thông báo cho ông Núi được biết khi thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận và thu hồi đất tại thửa đất số 96 được UBND huyện Trà B đã cấp cho ông N, bà H. Tòa án đã yêu cầu UBND huyện Trà B cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nhưng UBND huyện Trà B không cung cấp. UBND huyện Trà B ban hành quyết định số 767/QĐ-UBND đối với ông Hồ Văn N là không đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục, nội dung và căn cứ thu hồi đất đối với ông N là không đúng quy định pháp luật. Vì quyết định số 767/QĐ-UBND không đúng pháp luật nên các quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 cũng không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H; hủy 01 phần quyết định số 767/QĐ-UBND; quyết định số 2251/QĐ-UBND và Quyết định số 2281/QĐ-UBND của UBND huyện Trà B (đối với ông Hồ Văn N).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện là UBND huyện Trà B; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng N; UBND xã Trà B, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị S, bà Vương Nữ Trà G đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Ông Sinh, bà Uyên đã nhiều lần có đơn xin hoãn phiên tòa, lý do bị bệnh nặng. Nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về khám chữa bệnh của bà U nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Ngày 16/5/2018 ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 và hủy toàn bộ các Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà B. Sau khi cán bộ điều tra Công an huyện Trà B làm việc với ông Hồ Văn N ngày 09/11/2018 (Bút lục 330) thì ngày 04/12/2018 ông Hồ Văn N có đơn xin rút đơn khởi kiện gửi đến TAND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 18/12/2018 ông Hồ Văn N có đơn xin không rút đơn khởi kiện. Ông Hồ Văn N cho rằng: *“Công an huyện Trà B lên nhà tôi nhiều lần bảo tôi phải rút đơn khởi kiện”*.

Ngày 27/12/2018 TAND tỉnh Quảng Ngãi làm việc với Cán bộ điều tra Công an huyện Trà B cho biết: *“Công an huyện Trà B làm việc với ông Hồ Văn N vào ngày 09/11/2018 trên cơ sở đơn của bà Hồ Thị Phụng U ngày 05/11/2018 gửi đến Công an huyện Trà B và văn bản số 1925/UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà B. Tuy nhiên tại đơn kiến nghị của bà Hồ Thị Phụng U thì không có chữ ký của bà U”*. Hội đồng xét xử nhận thấy: Văn bản số 1925/UBND-NC ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà B không giao nhiệm vụ cho Công an huyện Trà B đến nhà làm việc với ông Hồ Văn N đang sinh sống ở xã Bình A, huyện Bình S, tỉnh Quảng N. Lúc này, TAND tỉnh Quảng Ngãi đang thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ông Hồ Văn N. Mặt khác, đơn kiến nghị đề ngày 05/11/2018 không có chữ ký của người làm đơn Hồ Thị Phụng U (BL 337). Nhưng ngày 09/11/2018 cán bộ điều tra Công an huyện Trà B vẫn tiến hành làm việc với ông Hồ Văn N và bà Hồ Thị H tại nhà riêng của ông N là không đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 13/5/2019 của Công an tỉnh Quảng N, ông Hồ Văn N khai: *“Tôi chưa bao giờ có ý muốn rút đơn khởi kiện trong vụ này. Có lần vào khoảng tháng 4 năm 2019 có cán bộ Công an huyện Trà B đưa tờ giấy bảo tôi ký, tôi không biết đọc nên đã điểm chỉ vân tay vào giấy mà không biết rõ nội dung là gì.”* Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2019 của Công an tỉnh Quảng N với ông Hồ Văn N, ông N khai: *“Tôi hoàn toàn tự nguyện khiếu kiện đòi lại đất rừng, không ai xúi giục hay ép buộc tôi. Vào khoảng sau tết âm lịch năm 2019 có anh Tr,*

Công an huyện Trà B và vợ chồng ông Phan S, bà Hồ Thị Phượng U là người đang có mâu thuẫn và tranh chấp đất với tôi đến nhà. Do sự xuất hiện của những người này, tôi rất sợ và đưa giấy tờ, bảo tôi ký thì tôi ký.”

Như vậy, tại đơn xin rút đơn khởi kiện vào ngày 04/12/2018 là không có sự tự nguyện của ông N, bà H. Ngày 18/12/2018 ông N, bà H có đơn xin không rút đơn khởi kiện, vẫn tiếp tục khởi kiện và yêu cầu TAND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết vụ án. Vì vậy, các Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà B đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, người đại diện của ông Hồ Văn N yêu cầu hủy một phần các quyết định số 2281/QĐ-UBND; quyết định số 2251/QĐ-UBND của UBND huyện Trà B là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai của ông Hồ Văn N Gia đình ông quản lý, sử dụng đất có diện tích 79.079m² thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ 08 tại Đồi Suối T, thôn T, xã Trà B từ hơn ba đời đến nay, là hộ nghèo người Kro đã được Chính phủ phê duyệt tham gia dự án WB3. Sau đó, UBND huyện Trà B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông để trồng rừng. Nay, UBND huyện Trà B ban hành Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Xét Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn N là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ: căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 và Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc thu hồi đất phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định có hành vi vi phạm pháp luật đất đai.

Đối chiếu với quy định trên thì chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác định hộ ông Hồ Văn N có hành vi vi phạm luật đất đai. Mặt khác, UBND huyện Trà B chưa tổ chức thanh tra để xác định hành vi vi phạm quy

định tại điểm h và điểm i khoản 1 Điều 64 Luật đất đai đối với ông Hồ Văn N. Như vậy, hộ ông Hồ Văn N không có hành vi vi phạm pháp luật đất đai.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra; nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp*” và tại khoản 56 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định:

“Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định”.

Đối chiếu với quy định trên thì UBND huyện Trà B chưa thông báo cho cơ quan Thanh tra cùng cấp để thẩm tra, chưa có kết luận của cơ quan thanh tra huyện, ông Hồ Văn N chưa nhận Thông báo số 60/TB-UBND ngày 24/4/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N. UBND huyện Trà B không giao thông báo trên cho hộ ông Hồ Văn N là vi phạm nghiêm trọng (tước quyền khiếu nại của ông Hồ Văn N được pháp luật quy định).

[2.2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B: Thẩm quyền thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 2 Điều 66; khoản 2 Điều 105; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì Chủ tịch UBND huyện Trà B là người đại diện thay mặt UBND huyện để ký. Nhưng tại Quyết định số 767/QĐ-UBND thì Phó Chủ tịch ký trực tiếp không ký thay Chủ tịch UBND huyện, không thay mặt UBND huyện là không đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại các văn bản số 2107/UBND-TNMT ngày 12/10/2018 và số 2558/UBND-TNMT ngày 05/12/2018 của UBND huyện Trà B cho rằng: “*Việc UBND huyện thống nhất thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn D, vì nguyên nhân 02 thửa đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn D vào năm 2012 là của bà Hồ Thị Phượng U, thường trú tại xã Trà B quản lý, sử dụng vào mục đích trồng*

keo ổn định, liên tục từ năm 2007 cho đến nay”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giao đất rừng cho ông Hồ Văn N thì UBND huyện đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền giao đất. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn N được ông Hồ Văn B - Phó Chủ tịch thay mặt UBND xã Trà B ký xác nhận vào ngày 09/9/2012 là đất ông N tự khai hoang, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất (bút lục 229). Tại quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 18 hộ, trong đó có tên ông Hồ Văn N cũng được UBND xã Trà B xét, đề nghị cấp cho hộ ông N. Nhưng tại biên bản làm việc ngày 24/3/2017 (bút lục 135) ông Hồ Văn B (nay là Chủ tịch UBND xã Trà B) cho rằng thửa đất cấp cho hộ ông Hồ Văn N, bà U đã sử dụng từ năm 2007 đến nay là mâu thuẫn với lời xác nhận trước đây của chính ông Hồ Văn B và ông Hồ Văn B không có tài liệu, chứng cứ nào để thể hiện là bà Hồ Thị Phượng U đã sử dụng thửa đất từ năm 2007.

[2.4] Tại báo cáo số 29/BC-TNMT ngày 03/4/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà B cho rằng: *“kiểm tra đo đạc, xác định 02 thửa đất số 95, 96 tại thực địa vào ngày 07/3/2017 có sự tham gia của đại diện lãnh đạo UBND xã Trà B, Công chức địa chính xã Trà B và Thôn trưởng thôn T, xã Trà B thì vị trí 02 thửa đất số 95 và 96 nằm hoàn toàn trong phần diện tích do bà Hồ Thị Phượng U đang canh tác sử dụng”*, với nội dung này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản làm việc ngày 07/3/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà B là biên bản làm việc với ông Hồ Văn D và bà Hồ Thị Phượng U chứ không phải là biên bản đo đạc, kiểm tra thực địa. Vì nội dung của biên bản chỉ ghi theo lời trình bày của bà U, không thể hiện việc đo đạc, kiểm tra thực địa của thửa đất, không có mặt ông Hồ Văn N, không thể hiện đã có giấy mời ông N tham gia buổi đo đạc thửa đất vào ngày 07/3/2017 (đây là thủ tục bắt buộc khi đo đạc phải có mặt các đương sự, nếu ông N không ở tại địa phương, vắng mặt tại buổi đo đạc thì phải thể hiện việc cấp và tổng đạt hợp lệ các văn bản hoặc giấy mời cho ông N). Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà B mới chỉ làm việc với bà Hồ Thị Phượng U và UBND xã Trà B, chưa làm việc với ông N, chưa đo đạc, kiểm tra lại thực địa, chỉ nghe một phía trình bày để ban hành báo cáo số 29/BC-TNMT ngày 03/4/2017 với nội dung trên là thiếu căn cứ, không đúng pháp luật.

[2.5] Ngày 12/11/2018, TAND tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 96 thì hiện trạng trên thửa đất gồm có: 05 gốc mít có đường kính khoảng 40-50 cm; 01 cây mít sồng, 01 cây khế không phải do bà Uyên trồng và 01 nền nhà cũ phù hợp với lời khai của ông Hồ Văn N là gia đình ông trước đây có ở trên thửa đất và trồng mít, khế. Ngoài ra, trên thửa đất có trồng cây keo, chuối nhưng cán bộ địa phương không biết ai trồng. Bà U thì khai: bà trồng keo, mì, ngô và khoảng 300 cây chuối, bà xây nhà tạm khoảng 30m² sát bên thửa đất số 96, nhà tạm này không nằm trên thửa đất số 96 cấp cho ông N. Như

vậy, chưa có căn cứ để cho rằng “02 thửa đất số 95; 96 nằm hoàn toàn trong phần diện tích do bà Hồ Thị Phượng U đang canh tác, sử dụng”.

UBND huyện Trà B cho rằng: Thửa đất số 96, tờ bản đồ 08 đã cấp cho ông Hồ Văn N là nằm hoàn toàn trong phần diện tích do bà Hồ Thị Phượng U quản lý, sử dụng trồng keo từ năm 2007 là thiếu chính xác, không có căn cứ. Vì không có tài liệu, chứng cứ thể hiện cho nội dung này và TAND tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần ban hành văn bản yêu cầu UBND huyện Trà B cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nhưng UBND huyện Trà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và không chứng minh được thời điểm sử dụng đất của bà U vào năm 2007. Ngoài ra, tại Báo cáo số 62/BC-TNMT ngày 07/7/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà B cho biết: Ông N đã được giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1036m². Nhưng thực tế ông N khai là không có việc giao đất và UBND huyện Trà B cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ về việc giao đất cho hộ ông N với diện tích 1036m².

Ngày 29/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có văn bản số 691/YC-VKS về việc thu thập tài liệu chứng cứ trong vụ án hành chính. Trên cơ sở đó, TAND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các Thông báo số 133/TB-TA ngày 09/4/2019; số 164/TB-TA ngày 28/5/2019 và Thông báo số 165/TB-TA ngày 28/5/2019 yêu cầu UBND huyện Trà B cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo văn bản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng UBND huyện Trà B không thực hiện.

[2.6] Đối với bà Hồ Thị Phượng U khai: Diện tích đất cấp cho ông D, ông N tại thửa đất 95; 96 là đất bà mua của ông Hồ Văn Ph vào năm 2004. Năm 2006 bà trồng cây keo cho đến nay. Nhưng quá trình giải quyết vụ án thì bà Hồ Thị Phượng U vẫn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bà mua đất của ông Hồ Văn Ph và thời điểm bà sử dụng thửa đất số 96 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N. Do đó, việc sử dụng đất của bà Hồ Thị Phượng U tại thửa đất số 96 đã cấp cho ông N là không đúng pháp luật.

Như vậy, UBND huyện Trà B cho rằng thửa đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn N vào năm 2012 là của bà Hồ Thị Phượng U là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Từ các điểm [2.1] đến [2.6] cho thấy: UBND huyện Trà B ban hành Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 đối với ông Hồ Văn D và ông Hồ Văn N là không đúng pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H là có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị S không khởi kiện Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B. Nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không xét cho ông D, bà S. Tòa chỉ xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H. Do đó, hủy một phần Quyết định số

767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn N.

Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N là không đúng pháp luật. Nên dẫn đến các Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Trà B cũng không đúng quy định pháp luật. Do đó, cần phải hủy một phần Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Trà B (đối với hộ ông Hồ Văn N).

[2.7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị Phụng U là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 64; khoản 2 Điều 105; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 66; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn N, bà Hồ Thị H

1. Hủy một phần Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N tại thôn Tang, xã Trà Bùi, huyện Trà B (đối với ông Hồ Văn N).

2. Hủy một phần Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND huyện Trà B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã

cấp cho các ông Hồ Văn D và Hồ Văn N tại thôn Tang, xã Trà Bùi, huyện Trà B (đối với ông Hồ Văn N).

3. Hủy một phần Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện Trà B về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp trên địa bàn xã Trà B thuộc dự án WB3 (đối với ông Hồ Văn N).

UBND huyện Trà B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Nga

